

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 213/2018/DS-ST

Ngày: 02-11-2018

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Hồng Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Hai.
2. Ông Nguyễn Văn Miêng.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khánh Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Ngày 02 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 224/2018/TLST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2018 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2164/2018/QĐST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 117/2018/QĐST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Ngọc Th, sinh năm 1965, địa chỉ: ấp An Ph, xã AQ, huyện P, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1975, địa chỉ: Số 40/1 ấp An B, xã N, huyện P, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đỗ Ngọc Th trình bày:

Ngày 05/02/2018, bà có cho chị Nguyễn Thị Y vay số tiền 145.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 5.000.000 đồng/145.000.000 đồng/tháng, hai bên có lập hợp đồng vay tài sản và hợp đồng đã được công chứng tại Văn phòng Công chứng huyện Thanh Phú. Thời hạn trả vốn là ngày 13/ 6/2018 nhưng đến hạn, chị Y không trả lãi cũng không trả vốn cho bà. Bà có nhiều lần yêu cầu chị Y trả nợ

cho bà nhưng chị Y cứ hứa hẹn nhưng không thực hiện việc trả nợ.

Nay bà yêu cầu chị Y phải trả tiền nợ vốn cho bà là 145.000.000 đồng và số tiền lãi: 8.114.000 đồng tính từ ngày 05/02/ 2018 đến ngày làm đơn là ngày 23/7/ 2018 là 5 tháng 18 ngày với lãi suất 1%/ tháng, bà không yêu cầu lãi phát sinh. Bà đồng ý cho chị Y trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị Y trình bày:

Chị thừa nhận vào ngày 05/02/ 2018 chị và bà Th có thỏa thuận lập hợp đồng vay tại Phòng Công chứng huyện Thạnh Phú. Chị và bà Th cùng ký tên vào hợp đồng trước mặt công chứng viên với nội dung: Chị có vay của bà Th 145.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 13/6/ 2018 chị trả vốn cho bà Th. Tuy nhiên, thực chất số tiền trên là tiền nợ hụi chị nợ bà Th các dây hụi, do chị không có tiền trả nên hai bên thống nhất chuyển số tiền trên thành tiền nợ vay. Trong thời gian vay, chị không có đóng lãi cho bà Th. Nay bà Th yêu cầu chị trả cho bà Th số tiền 145.000.000 đồng thì chị đồng ý nhưng hiện nay chị bị người khác giật nợ nên không có khả năng trả cho bà Th mỗi tháng 5.000.000 đồng theo yêu cầu của bà Th bà yêu cầu bà Th cho chị trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được Thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và Th quyền giải quyết:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của bà Đỗ Ngọc Th thì vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp là “Hợp đồng vay tài sản”. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn Nguyễn Thị Y có nơi cư trú tại số nhà 40/1 ấp An B, xã N, huyện P, tỉnh Bến Tre nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

[2] Tại phiên Tòa bà Th và chị Y đều thống nhất về ngày, tháng, năm, hình thức, nội dung hợp đồng mà hai bên đã giao kết. Chị Y thừa nhận hiện nay còn nợ bà Th số tiền nợ vốn là 145.000.000 đồng và đồng ý trả cho bà Th số tiền này chị đồng ý trả tiền lãi cho bà Th với lãi suất 1%/ tháng tính từ ngày 05/02/ 2018 đến ngày ngày 23/7/2018 là 5 tháng 18 ngày với số tiền là: 8.114.000 đồng nhưng chị Y cho rằng không có khả năng trả mỗi tháng 5.000.000 đồng theo yêu cầu của bà Th , chị Y yêu cầu được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ trên.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Ngọc Th, Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng vay tài sản giữa bà Đỗ Thị Th và chị Nguyễn Thị Y được xác lập bằng văn bản, có công chứng, chứng thực trên cơ sở tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên hợp đồng trên hợp pháp, phù hợp theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Sau khi vay chị Y không trả vốn và cũng không trả lãi cho bà Th là vi phạm hợp đồng mà hai bên đã ký kết, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bà Th. Việc chị Y yêu cầu trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng không được bà Th chấp nhận. Mặt khác, trong nội dung hợp đồng hai bên không có thỏa thuận cách thức trả dần. Do đó, bà Th yêu cầu chị Y trả cho bà Th số tiền nợ gốc là 145.000.000 đồng và số tiền lãi: 8.114.000 đồng tính từ ngày 05/02/ 2018 đến ngày ngày 23/7/ 2018 là 5 tháng 18 ngày với lãi suất 1%/ tháng là có căn cứ, phù hợp với Điều 466,468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Chị Nguyễn Thị Y thuộc trường hợp hộ nghèo nên được miễn nộp toàn bộ án phí theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Ngọc Th. Buộc chị Nguyễn Thị Y phải có nghĩa vụ trả cho bà Đỗ Ngọc Th số tiền là 153.114.000 đồng (Một trăm năm mươi ba triệu một trăm mười bốn ngàn đồng); trong đó số tiền nợ gốc là 145.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu đồng), tiền nợ lãi là 8.114.000 đồng (Tám triệu một trăm mười bốn ngàn đồng).

Kể từ ngày Bản án, Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải

thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Y thuộc trường hợp hộ nghèo nên được miễn toàn bộ án phí.

Bà Đỗ Ngọc Th được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú tỉnh Bến Tre hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 3.828.000 đồng (Ba triệu tám trăm hai mươi tám ngàn đồng) theo biên lai thu số 0018527 ngày 06 tháng 8 năm 2018.

Đương sự có mặt tại tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại Tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đào Hồng Vân

